TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Số: 1233 /TTPTQD.CNLT-TBT.N1

V/v Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, tại Phường Long Thành (đợt 1).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: UBND Phường Long Thành.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 18/6/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, tại Phường Long Thành (đợt 1).

(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).

Nay, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND Phường Long Thành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND Phường Long Thành, địa điểm sinh hoạt chung của dân cư đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND Phường Long Thành trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND Phường Long Thành quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ.TTPTQĐCNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật; An, Vinh, Hưng);
- Lưu: VT N1.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH LONG THÀNH

Mai Ngọc Thắng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN
Về bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, tại phường Long Thành. (đợt 1)

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 7792/QĐ-UBND ngày 09/8/2020 của UBND huyện Long Thành về việc chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, xã Long An;

Căn cứ Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND huyện Long Thành về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, xã Long An;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng

Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy đinh về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy đinh Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành Phố Đồng Nai Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành Phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc uỷ quyền cho Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 05/6/2026 của UBND Phường Long Thành về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường

Khai thác đá 3, tại Phường Long Thành, Thành Phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó "Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó". Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân Phường Long Thành chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, tại Phường Long Thành, Thành Phố Đồng Nai về việc tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 1) cụ thể như sau:

II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường đất:

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành *(UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định);*

2. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026; Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành Phố Đồng Nai.

3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

4. Thưởng di dời:

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **40 trường hợp/35.748,0m^2**, cụ thể như sau:

+ Đất nông nghiệp: **917,7m^2**.

+ Đất ở :**73,7m^2**.

+ Đất do UBND xã quản lý: **34.756,6m^2**.

- Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: 5.032.759.548 đồng.

Trong đó:

- Bồi thường đất: 1.639.050.400 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc: 3.029.502.046 đồng.
- Bồi thường cây trồng: 28.017.166 đồng.
- Thưởng di dời: 166.000.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%): 170.189.936 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, không có giá trị bồi thường cho các hộ dân; Sau khi thông qua Hội đồng Bồi thường phường Long Thành thống nhất và UBND phường Long Thành phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành Phố Đồng Nai chi nhánh Long Thành sẽ thông báo chi trả tiền cho các hộ theo quy định.

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, tại Phường Long Thành (đợt 1).

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, phường Long Thành, Thành Phố Đồng Nai

(Danh sách kèm theo Phương án số..... PA-TTPTQĐ.CNLT.N1 ngày .....tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp						Đất công							
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất sản xuất, kinh doanh	Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Phạm Thị Phương Vân	Khu phố Long An, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	177,1			177,1		177,1					179.756.500				12.000.000	191.756.500	
2	Võ Thị Thúy Vân	Khu phố 3, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	0,4			0,4	0,4						406.000	2.727.234			2.000.000	5.133.234	
3	Phan Đình Trọng; Trần Thị Thời	khu phố Xóm Gốc, phường Long Thành, TP.Đồng Nai	0,1			0,1				0,1			101.500				2.000.000	2.101.500	
4	Phạm Văn Phùng	Khu phố 3, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	28,7			28,7					28,7		29.130.500	131.912.600			12.000.000	173.043.100	
5	Huỳnh Văn Đạo	khu phố 1, phường Long Thành, TP.Đồng Nai	5,0			5,0	5,0						5.075.000				2.000.000	7.075.000	
6	Lê Văn Trọng; Đoàn Cẩm Điệp	Khu phố Phước Hải, phường Long Thành, tỉnh Đồng Nai	15,4			15,4	15,4						15.631.000	5.011.440			4.000.000	24.642.440	
7	Trịnh Quang Sơn	Khu phố 2, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	0,5			0,5					0,5		507.500	576.000			2.000.000	3.083.500	
8	Nguyễn Đình Dũng; Lê Thị Quyết	khu phố Xóm Gốc, phường Long Thành, TP.Đồng Nai	0,7			0,7	0,7						710.500				2.000.000	2.710.500	
9	Võ Thị Khang Trang	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	9,0			9,0	9,0						9.135.000				2.000.000	11.135.000	
10	Nguyễn Văn Chơn	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	4,6			4,6	4,6						4.669.000	10.722.904	561.000		2.000.000	17.952.904	
11	Phạm Xuân Thắng	số 8 Trần Phú, tổ 8, khu phố 1, phường Vũng Tàu, TPHCM	1,0			1,0	1,0						1.015.000				2.000.000	3.015.000	
12	Lê Hòa	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	17,6			17,6	17,6						17.864.000	10.339.200	315.500		4.000.000	32.518.700	
13	Đậu Bá Minh; Phan Thị An	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1,4			1,4	1,4						1.421.000	5.586.300			2.000.000	9.007.300	
14	Trần Hữu Cường	Khu phố Xóm Gốc, Phường Long Thành	0,2			0,2	0,2						203.000				2.000.000	2.203.000	
15	Nguyễn Tất Danh	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1,0			1,0	1,0						1.015.000				2.000.000	3.015.000	
16	Mai Văn Toàn và Hoàng Thị THuy	khu phố 3, phường Long Thành, tp. Đồng Nai	24,6			24,6	24,6						24.969.000				4.000.000	28.969.000	
17	Tăng Đại Thành ; Nguyễn Thị Thơm	khu phố xóm gốc, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	12,8			12,8	12,8						12.992.000	18.085.896	5.768.851		4.000.000	40.846.747	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)									Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp					Đất công							
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất sản xuất, kinh doanh	Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác							
18	Phạm Ngọc Lương; Nguyễn Thị Hạnh	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1,6			1,6	1,6						1.624.000	9.216.000			2.000.000	**12.840.000**	
19	Phạm Khắc Minh	khu phố Long An, phường Long Thành, TP.Đồng Nai	2,0			2,0	2,0						2.030.000	10.059.840			2.000.000	**14.089.840**	
20	Nguyễn Hữu Cường	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1,6			1,6	1,6						1.624.000	14.742.000			2.000.000	**18.366.000**	
21	Lê Văn Khương	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1,9			1,9	1,9						1.928.500	309.700			2.000.000	**4.238.200**	
22	Trịnh Đình Mong; Lê Thị Hiền	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	8,5			8,5	0,0				8,5		8.627.500	8.475.770	2.898.027		4.000.000	**24.001.297**	
23	Đoàn Anh Tuấn	khu phố Long An, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	15,7			15,7	15,7						15.935.500	7.047.032			4.000.000	**26.982.532**	
24	Nguyễn Ngọc Hùng	khu phố 3, phường Long Thành, tp. Đồng Nai	64,0			64,0	64,0						64.960.000				8.000.000	**72.960.000**	
25	Võ Minh Hiếu	khu phố 3, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	0,3			0,3	0,3						304.500	1.080.576			2.000.000	**3.385.076**	
26	Nguyễn Văn Cân và Nguyễn Thị Kim Tuyến	ấp Xóm Gốc, phường Long Thành, Tp. Đồng Nai	0,5			0,5	0,5						507.500		519.244		2.000.000	**3.026.744**	
27	Trần Quốc Hùng; Trần Thị Hải	Khu phố Long An, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	2,9			2,9	2,9						2.943.500	32.201.632	9.722.057		4.000.000	**48.867.189**	
28	Nguyễn Hữu Dũng	193 đường 27 tháng 4, phường Ba Rịa, TP.HCM	0,1			0,1	0,1						101.500				2.000.000	**2.101.500**	
29	Nguyễn Bá Vượng	15 Đỗ Quang Đẩu, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh	0,4			0,4	0,4						406.000				2.000.000	**2.406.000**	
30	UBND phường Long Thành	01 Lê Hồng Phong, khu phố Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	34.756,6								34.756,6								
31	Nguyễn Thị Phương Nhung	khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	0,4			0,4	0,4							13.320.096			2.000.000	**15.320.096**	
32	Trần Đào Anh Thư (TSTĐ thửa 302, tờ 246)	khu phố Long An, phường Long Thành, TP.Đồng Nai												12.820.920				**12.820.920**	
33	Công ty Cổ Phần Bông Việt Nam	Lộ I15-16-17, Đường D2, phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh	43,6			43,6			43,6				279.606.800				16.000.000	**295.606.800**	
34	Đinh Thị Thuý Hằng	khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	33,2			33,2					33,2		33.698.000	42.105.292	336.800		8.000.000	**84.140.092**	
35	Trần Quốc Hùng; Trần Thị Hải	khu phố Long An, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	0,8			0,8	0,8						812.000	9.561.600			2.000.000	**12.373.600**	
36	Công ty Cổ phần Toyota Long Thành (TSTĐ Công ty Cổ Phần Bông Việt Nam tờ 253: thửa 161)	.....												63.832.056	1.284.800			**65.116.856**	
37	Phạm Văn Tuyên (TSTĐ Phạm Thị Phương Vân tờ 246 (34): thửa 253)	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai												46.919.981				**46.919.981**	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp						Đất công							
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất sản xuất, kinh doanh	Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác								
38	Nguyễn Công Khanh (TSTĐ Phạm Thị Phương Vân tờ 246 (34); thửa 177)	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai												30.177.632	369.000			**30.546.632**	
39	Nguyễn Thị Phương	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	221,1	73,7	73,7	147,4	147,4						622.249.100	1.989.879.385	3.102.467		20.000.000	**2.635.230.952**	
40	Nguyễn Thị Bé Nguyệt	khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	292,7	0,0	0,0	**292,7**					292,7		297.090.500	552.790.960	3.139.420		20.000.000	**873.020.880**	
Tổng			**35.748,0**	**73,7**	**73,7**	**917,7**	**333,3**	**177,1**	**43,6**	**0,1**	**363,6**	**34.756,6**	1.639.050.400	**3.029.502.046**	**28.017.166**		166.000.000	4.862.569.612	
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																		4.862.569.612	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																		170.189.936	
Trong đó:																			
- Kinh phí cho UBND Phường Long Thành (0,252%)																		25.528.490	
- Kinh phí cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất - Chi nhánh Long Thành (2,975%)																		144.661.446	
Tổng cộng (1+2):																		5.032.759.548	